TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2019
"V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm;
2. Bà Nguyễn Thị Diền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2019 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Cẩm T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có mặt

2. Bị đơn: Anh Phan Văn K, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2019; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2000 chị T và anh K được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị T và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đến năm 2013, chị T và anh K ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T và anh K có 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ H, giới tính nữ, sinh ngày 17/10/2001 và Phan Thị Mỹ L, giới tính nữ, sinh ngày

11/03/2004 hiện đang sống với chị T. Các con đã lớn, con theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị T khai vợ chồng không nợ ai.

Đối với bị đơn anh Phan Văn K, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh K đều vắng mặt. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản và đưa vụ án ra xét xử. Ngày 15/8/2019, anh Kiếm có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Cẩm T và anh Phan Văn K; Về con chung: Đề nghị giao cháu Phan Thị Mỹ H, sinh ngày 17/10/2001 và Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 11/03/2004 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh K chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2000 nhưng đến nay không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị T có yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Cẩm T và anh Phan Văn K.

[4] *Về con chung:* Chị T và anh K có 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ H, sinh ngày 17/10/2001 và Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 11/03/2004 hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu con theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng. Cháu H và

cháu L đều có nguyện vọng sống với chị T. Chị T thống nhất tiếp tục nuôi cháu H và cháu L. Đối với anh K mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh K không đến tham gia giải quyết vụ án, không có bản khai gửi Tòa án về ý kiến của mình là anh tự từ bỏ quyền được tham gia phiên tòa để trình bày và nguyện vọng về việc giải quyết con chung và những vấn đề khác (nếu có phát sinh) nên không có cơ sở để xem xét giao con chung cho anh K nuôi dưỡng. Do đó, áp dụng Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Phan Thị Mỹ H và Phan Thị Mỹ L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét; Về nợ chung: Chị T khai vợ chồng không nợ ai.

[6] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000014 ngày 05 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Cẩm T và anh Phan Văn K.

2. *Về con chung:* Giao cháu Phan Thị Mỹ H, giới tính nữ, sinh ngày 17/10/2001 và Phan Thị Mỹ L, giới tính nữ, sinh ngày 11/03/2004 cho chị Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phan Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Đương sự khai không nợ ai.

4. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Thị Cẩm T là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000014 ngày 05 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Vũ